

Bản án số: 131/2019/HS-ST  
Ngày: 15/10/2019

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN**

**- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Mạnh Toàn.

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Bùi Quý Minh Ánh.  
2. Ông Nguyễn Hồng Hải.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Xuân Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:** Ông Ngô Quốc Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 15/10/2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 125/2019/TLST-HS ngày 15/8/2019; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2019/QĐXXST-HS ngày 05/9/2019 đối với bị cáo:

**Trần Văn M** (tên gọi khác: không), sinh năm 1997.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: xóm Đồng Lắm, xã Tân Phú, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Q (đã chết) và bà Nguyễn Thị Ch; có vợ là Nguyễn Thu H và 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo hiện tại ngoại, không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào. Có mặt.

\* *Bị hại:* Chị Bùi Thị H, sinh năm: 2000; trú tại: xóm Thành Sơn, xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

\* *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Xuân Đg, sinh năm: 1964; Trú tại: xóm Thành Lập, xã Hồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

2. Chị Phạm Thị H, sinh năm: 1991; trú tại: xóm Mai Lộc, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 04 - 05 giờ sáng ngày 21/02/2019, Trần Văn M (là lái xe taxi của hãng taxi Việt Hàn, có trụ sở tại xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên) điều khiển xe taxi mang BKS 20A-184.40 đón chị Bùi Thị H (sinh năm 2000; trú tại: xóm Thành Sơn, xã Thành Long, huyện Thạch Thành, Thanh Hóa) ở trong khu vực chợ ký túc xá SamSung - Phổ Yên, thuộc tổ dân phố An Bình, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên. Lợi dụng chị H trong tình trạng sử dụng chất kích thích, say rượu và không tỉnh táo nên M đã đưa chị H vào nhà nghỉ 909 thuộc tổ dân phố An Bình, phường Đồng Tiến và thực hiện hành vi quan hệ tình dục 01 lần với chị H. Sau khi quan hệ tình dục xong, M đưa chị H về nhà trọ. Đến khoảng cuối tháng 02 và đầu tháng 03/2019, M đã nhiều lần sử dụng số điện thoại 0981.832.213 gọi điện cho chị H và nhắn tin cho chị H qua ứng dụng Zalo, nói cho chị H biết về việc M đang có ảnh khóa thân của chị H và đe dọa sẽ đưa lên mạng xã hội. M yêu cầu chị H phải đưa số tiền 12.000.000 đồng cho M thì M mới đồng ý xóa ảnh. Do lo sợ nên ngày 04/3/2019, chị H đã hẹn gặp M tại thị xã Phổ Yên để đưa trước cho M số tiền 5.000.000 đồng. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, M gặp chị H ở cửa quán cà phê Phổ Yên, thuộc xóm Trường Thịnh, xã Nam Tiến, Phổ Yên, Thái Nguyên và yêu cầu chị H lên xe taxi của M. Sau khi chị H lên xe, M yêu cầu chị H phải đưa cho M số tiền 12.000.000 đồng nhưng chị H nói chỉ có 5.000.000 đồng nên M chưa đồng ý lấy tiền và yêu cầu chị H phải vào nhà nghỉ quan hệ tình dục với M nhưng chị H không đồng ý. M tiếp tục điều khiển xe chở chị H đi lòng vòng quanh khu vực thị xã Phổ Yên sau đó thì đi xuống khu vực Sóc Sơn, Hà Nội. Trong quá trình di chuyển, thì chị H có liên lạc với chị Phạm Thị H (sinh năm 1992; trú tại: xóm Mai Lộc, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, Nghệ An), nói cho chị H biết về việc H đang đi cùng M nên chị H đã trình báo Cơ quan Công an thị xã Phổ Yên. Sau khi nhận được trình báo, Cơ quan Công an thị xã Phổ Yên đã đến trụ sở của công ty taxi Việt Hàn để làm việc thì gặp ông Nguyễn Xuân Đ là Phó giám đốc công ty. Cơ quan Công an đã đề nghị ông Đông gọi điện yêu cầu M điều khiển xe về thị xã Phổ Yên để làm việc với Cơ quan Công an thì M tự lái xe đưa chị H về thị xã Phổ Yên sau đó đến Cơ quan Công an thị xã Phổ Yên để làm việc.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Phổ Yên, Trần Văn M đã khai nhận toàn bộ hành vi đe dọa để chiếm đoạt tài sản của mình.

M thừa nhận nội dung tin nhắn đe dọa trong zalo mà chị H cung cấp cho cơ quan điều tra là do M soạn thảo và gửi cho chị H.

Cơ quan điều tra đã tiến hành ghi âm giọng nói của Trần Văn M để tiến hành giám định, so sánh với giọng nói (nghỉ là của Trần Văn M) trong các đoạn ghi âm ghi lại nội dung các cuộc điện thoại trao đổi, đòi tiền chị H của M do chị Bùi Thị H cung cấp. Tại Bản kết luận giám định số 3069 ngày 19/7/2019 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, kết luận: “Tiếng nói của nam thanh niên trong 02 file âm thanh ghi mẫu cần giám định và tiếng nói của Trần Văn M trong mẫu so sánh là của cùng một người.”

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra Mạnh đã tự nguyện bồi thường

cho chị H số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng). Chị H đã nhận đủ số tiền và không có yêu cầu gì khác.

Tại bản cáo trạng số 122/CT-VKSPY ngày 12/8/2019 Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Trần Văn M về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng trong quá trình điều tra, phù hợp với vật chứng của vụ án. Nguyên nhân sau xa dẫn đến hành vi phạm tội do bị cáo nảy sinh tình cảm với chị H nên tìm lý do để tiếp tục gặp gỡ chị H, do thiếu hiểu biết nên hành xử không đúng dẫn đến vi phạm pháp luật. Việc Mạnh quan hệ tình dục với chị H vào sáng ngày 21/02/2019 hoàn toàn do chị H tự nguyện, không bị ép buộc, cưỡng bức.

Chị H vắng mặt tại phiên tòa, đã có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn chị xác định: Bị cáo đã bồi thường cho chị tổng số tiền là 6.000.000đ (sáu triệu đồng), nay chị không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm và đề nghị Tòa án xem xét xử lý bị cáo theo đúng quy định pháp luật. Đối với việc quan hệ tình dục với M vào sáng ngày 21/02/2019, chị Hoa không nhớ rõ sự việc và không yêu cầu làm rõ.

Kết thúc phần thẩm vấn, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Văn M phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 170; Điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt: Trần Văn M mức án từ **18 - 24** tháng tù nhưng cho hưởng án treo; **36 - 48** tháng thử thách.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận thỏa thuận của các đương sự, bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại số tiền 6.000.000 đồng.

Về án phí và quyền kháng cáo: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo và bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Trong phần tranh luận, bị hại đề nghị hội đồng xét xử xem xét xử lý bị cáo theo đúng quy định pháp luật, bị cáo thừa nhận nội dung truy tố là đúng. Lời nói cuối cùng, bị cáo hứa sửa chữa và xin được hưởng mức án thấp nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1]** Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Phổ Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ

quan tiền hành tố tụng, người tiền hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

Những bị hại và người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Xét thấy, việc bị hại và người làm chứng vắng mặt nhưng trong hồ sơ đã có lời khai của họ nên sự vắng mặt họ không gây trở ngại cho quá trình xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, 293 BLTTHS xét xử vắng mặt họ theo quy định của pháp luật.

**[2]** Lời khai nhận của bị cáo là hoàn toàn khách quan, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Do có mục đích cưỡng đoạt tài sản, từ khoảng cuối tháng 02/2019 đến khoảng đầu tháng 03/2019, Trần Văn M đã sử dụng số điện thoại 0981.832.213 gọi điện cho chị H và nhắn tin cho chị H qua ứng dụng Zalo, đưa ra thông tin về việc M có ảnh khóa thân của chị H và đe dọa sẽ đưa lên mạng xã hội nhằm mục đích buộc chị H phải đưa cho M số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) thì M sẽ đồng ý xóa ảnh. Đến ngày 04/3/2019, chị H hẹn gặp Mạnh ở khu vực quán Cà phê Phở Yên, thuộc xóm Trường Thịnh, xã Nam Tiến, Phở Yên, Thái Nguyên để đưa tiền cho M. Do chị H chỉ có 5.000.000 đồng nên M không đồng ý nhận tiền và yêu cầu chị H phải đi nhà nghỉ, quan hệ tình dục với M nhưng chị H không đồng ý. M yêu cầu chị H lên xe taxi, rồi điều khiển xe đi lòng vòng quanh khu vực thị xã Phở Yên và đi xuống Sóc Sơn, Hà Nội cho đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày khi Cơ quan công an thị xã Phở Yên đến trụ sở công ty Viện Hàn lâm việc và được ông Nguyễn Xuân Đ là Phó giám đốc công ty gọi điện yêu cầu điều khiển xe đưa chị H về thị xã Phở Yên thì M mới lái xe quay về sau đó đến Cơ quan Công an thị xã Phở Yên để làm việc. Mặc dù M chưa chiếm đoạt được tiền của chị H, nhưng nguyên nhân chưa chiếm đoạt được là do yếu tố khách quan ngoài ý muốn của M. Bị cáo đã thực hiện đầy đủ các hành vi đe dọa bị hại nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản, do vậy xác định tội phạm thực hiện đã hoàn thành.

Hành vi, ý thức của bị cáo đã thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành của tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại Khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng số 122/CT-VKSPY ngày 12/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phở Yên, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Nội dung Khoản 1 Điều 170 quy định:

*“1. Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.*

...

*5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”.*

**[3]** Xét tính chất vụ án: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe, quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Do đó việc đưa ra xét xử đối với bị cáo là cần thiết để răn đe và phòng ngừa chung.

**[4]** Xét các yếu tố về nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách

nhệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về nhân thân: Bị cáo được gia đình nuôi ăn học đến lớp 9/12 thì nghỉ học lao động tại địa phương. Trước khi phạm tội bị cáo được xác định là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nhưng vì lòng tham nhất thời và cách hành xử không đúng mực đã dẫn bị cáo đến con đường phạm tội.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, cũng như tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, trước khi mở phiên tòa, bị cáo đã tự nguyện bồi thường tổn thất cho bị hại do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cho bị cáo áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, hội đồng xét xử thấy rằng: tội phạm bị cáo thực hiện dù chưa gây thiệt hại về tài sản nhưng đã xâm phạm đến sức khỏe, tinh thần của bị hại; việc bị cáo có đơn xin cải tạo tại địa phương, có thể được xem xét khi lượng hình nhưng không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do vậy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là chưa có căn cứ.

**[5]** Khi lượng hình Hội đồng xét xử thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm, đã xâm phạm đến quyền được bảo vệ về sức khỏe, tài sản của công dân, hành vi này cần được nghiêm trị. Tuy nhiên, đánh giá nguyên nhân, tính chất của hành vi phạm tội thấy rằng, bị cáo phạm tội xuất phát từ sự bông bột, thiếu suy nghĩ, hành vi phạm tội chưa gây thiệt hại về tài sản, sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã nhận thức được lỗi lầm và tự nguyện bồi thường thiệt hại về tinh thần cho người bị hại. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, mong muốn được cải tạo tại địa phương để tự khắc phục sửa chữa lỗi lầm và được địa phương xác nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù giam, buộc bị cáo cách ly khỏi đời sống xã hội mà xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự là phù hợp. Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

**[6]** Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

**[8]** Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo và bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

**[9]** Trong vụ án này, ngoài hành vi “Cưỡng đoạt tài sản” như nêu trên, Trần Văn M còn có hành vi quan hệ tình dục với chị Bùi Thị H trong khi chị H đang sử dụng các chất kích thích, say rượu. Trong quá trình điều tra xét xử, Mạnh việc quan hệ tình dục với chị H là do hai bên tự nguyện, chị H không nhớ rõ sự việc, không xác định được có quan hệ tình dục với M hay không, chị Hoa không đi giám định thương tích và có đơn đề nghị không xem xét xử lý đối với M.

***Vì các lẽ trên,***

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Tuyên bố:** Bị cáo Trần Văn M phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

**1. Áp dụng:** Khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Trần Văn M **24** (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, **48** (Bốn mươi tám) tháng thử thách, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Văn M cho Ủy ban nhân dân xã Tân Phú, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**2. Về hình phạt bổ sung:** Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

**3. Về trách nhiệm dân sự:** Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, bị cáo Trần Văn M đã bồi thường xong cho chị Nguyễn Thị H số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

**4. Về án phí:** Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Văn M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước.

**5. Về quyền kháng cáo:** Áp dụng các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt, niêm yết bản án theo quy định./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Công an thị xã Phổ Yên;
- Chi cục THADS thị xã Phổ Yên;.
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Mạnh Toàn**